

Điểm Môn Lập Trình Mạng**Lớp MT0403**

F_MASV	F_HOLOT	F_TEN	F_MANH DIEM-GK	BT1	
50400012	NGUYEN SONG BINH	AN	03	7	0
50404025	TRAN THI	AN	03	5	0
50400036	LE THI PHUONG	ANH	03	5.5	7
50400093	TRAM NGOC	ANH	03	6.5	7
50400154	TRUONG PHUONG	BAC	03	8	0
50400110	HUONG CONG	BACH	03	7	9
50400144	PHAN HOAI	BAO	03	7.5	9.5
50400188	NGUYEN THAI	BINH	03	7.5	0
50404064	NGUYEN THI	CHUNG	03	5	9
50400329	NGUYEN TAN	CUONG	03	7	7.5
50400335	PHAM HONG	CUONG	03	6.5	8
50200497	NGUYEN MINH	DAO	03	6.5	0
50400601	LE MINH	DUC	03	6.5	0
50400614	NGUYEN THAI	DUC	03	7.5	9
50400452	NGO DINH	DUNG	03	7.5	9
50200620	HOANG	GIANG	03	7	0
50300774	NGUYEN HOANG	HAI	03	7.5	0
50404177	NGUYEN PHONG	HAI	03	6.5	0
50404178	NGUYEN TRUNG	HAI	03	6	7
50404208	DOAN TAT	HIEN	03	4	0
50400823	NGUYEN LE	HIEN	03	5	0
50400792	NGUYEN TRUNG	HIEU	03	6	9.5
50400869	NGUYEN HUU	HOANG	03	6	7.5
50400920	TO KIM	HONG	03	6	9
50200968	TRAN THE	HUAN	03	7	0
50401036	NGUYEN QUANG	HUNG	03	5	6
50404280	DO QUANG	HUONG	03	6	7.5
50404281	NGUYEN VAN	HUONG	03	7	9
50200990	DO QUANG	HUY	03	8	8.5
50400989	TRAN DINH	HUY	03	5.5	8
50201183	BANH DUY	KHANH	03	7.5	8
50401127	NGUYEN HUU	KHANH	03	4.5	8
50301311	LE NGUYEN	KHOA	03	7	0
50401214	PHAN DINH	KHOA	03	8	9
50404310	NGUYEN TRUNG	KIEN	03	6	

50404318	DOAN NGOC	LAM	03	8	0
50404317	PHAM THI	LANH	03	6	9
50301503	LE ANH	LICH	03	6	0
50401357	NGUYEN THI THUY	LINH	03	7.5	0
50404341	PHAM NGUYEN NGOC	LONG	03	6.5	9
50401558	DINH VAN	MUNG	03	6	0
50301740	TRAN MAI	NAM	03	8	7.5
50404389	DO MINH	NGOC	03	6	0
50301876	NGUYEN THANH	NGUYEN	03	8	0
50404401	TRIEU CAO	NGUYEN	03	8	8.5
50401736	NGUYEN PHONG	NHA	03	7	7
50401744	NGUYEN QUANG	NHAN	03	6.5	8
50401782	LAI HUU	NHON	03	7.5	8.5
50401806	THAI THI QUYNH	NHU	03	7.5	9
50401808	VAN LE	NHU	03	6	9
50401816	NGUYEN QUANG	NINH	03	8	9.5
50404423	LE HAI	PHONG	03	6.5	9
50201915	NGUYEN HOANG	PHONG	03	7	8
50401867	NGUYEN THANH	PHONG	03	5	0
50401891	TRUONG MINH	PHU	03	5.5	8.5
50302079	DINH XUAN	PHUC	03	7.5	0
50201968	PHAN HONG	PHUC	03	8.5	8.5
50401938	LE HOAI	PHUONG	03	6	0
50401959	NGUYEN THI LIEN	PHUONG	03	5	9.5
50401969	PHAM QUYNH THANH	PHUONG	03	7.5	9.5
50302189	NGUYEN ANH	QUAN	03	6.5	0
50404455	MAI TRI	QUANG	03	7	9
50402067	DANG PHU	QUOC	03	7	0
50402097	TRAN PHAM HUNG	QUY	03	5.5	0
50404483	NGUYEN VAN	SANG	03	5.5	7
50402160	NGUYEN DAI	SON	03	7.5	0
50402211	HO THANH	TAM	03	5.5	0
50402220	NGUYEN NHAT	TAM	03	6.5	9
50404517	PHAM QUANG	TAM	03	6.5	9
50402419	PHAM QUOC	THANG	03	8.5	9.5
50302687	TRINH MINH	THIEN	03	6.5	0
50202572	LE DINH	THO	03	7.5	0
50302734	NGUYEN DUY	THOI	03	5	0

50402572	NGUYEN TUONG	THUY	03	5	0
50502950	LE TRONG	TIN	03	6	0
50402646	VO MANH	TIN	03	5.5	0
50402655	NGUYEN ANH	TINH	03	7.5	8.5
50402659	DANG KHANH	TOAN	03	5.5	0
50404643	LE SONG	TOAN	03	6.5	0
50402753	BUI DUC	TRI	03	6	0
50402769	NGUYEN MINH	TRI	03	4	0
50302967	BUI MINH	TRIET	03	6.5	7.5
50402810	HA LE HOAI	TRUNG	03	7.5	8
50404680	LE QUANG	TRUNG	03	6	0
50402871	PHAM HUY	TRUONG	03	6	7
50404710	KIEU VAN	TUAN	03	4	0
50402916	NGUYEN ANH	TUAN	03	7	9
50303283	NGUYEN QUOC	TUNG	03	5	0
50404736	PHAM SON	TUNG	03	5	7.5
50503457	TRAN VINH	TUONG	03	5.5	0
50402978	DO SI	TUYEN	03	5	9
50303318	NGUYEN DE	UY	03	6.5	0
50403123	HOANG	VIET	03	7	0
50403161	NGUYEN QUANG	VINH	03	7.5	8
50403223	TRAN DINH	VU	03	4.5	0
50403269	NGUYEN THI PHI	YEN	03	8	9